

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM XUYỀN
TỈNH HÀ TĨNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 06-5-2021
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM XUYỀN, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Hữu Tường
Ông Chu Thành Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diệu Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 31/2021/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXX-ST ngày 23 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1985 (Có mặt)

Trú tại: Thôn 4, xã Nam Phúc T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh

- Bị đơn: Anh Lê Xuân T, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn 6, xã Nam Phúc T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị S cũng như các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và trình bày của chị S tại phiên tòa, vụ án có nội dung: Chị Nguyễn Thị S và anh Lê Xuân T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2009 nhưng đến ngày 03/6/2013 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm P (nay là xã Nam Phúc T), huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, hôn nhân tự nguyện, tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, bất đồng quan điểm, anh T thường xuyên chửi bới, xúc phạm và coi thường chị. Từ năm 2015 đến nay vợ chồng sống ly thân, chị S về nhà bố mẹ đẻ tại thôn 4, xã Nam Phúc T ở, thời gian gần đây vợ chồng không liên lạc gì với nhau. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Lê Xuân T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Thị Cẩm L, sinh ngày 13/7/2010. Nguyên vọng của chị S sau khi ly hôn muốn được trực tiếp chăm sóc

nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung; không nợ ai và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản hòa giải, bị đơn anh Lê Xuân T trình bày: Anh T thống nhất như chị S trình bày, hôn nhân tự nguyện, tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Vợ chồng đã ly thân khoảng 6 năm nay, anh không còn tình cảm gì đối với chị S, không tìm cách để hàn gắn vợ chồng nhưng vì theo quy định của công giáo anh không được ly hôn. Chị S làm đơn ly hôn là quyền của chị, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Thị Cẩm L, sinh ngày 13/7/2010. Nếu Tòa án giải quyết vợ chồng ly hôn thì anh đồng ý giao con cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành nhưng yêu cầu chị S phải chăm sóc nuôi dưỡng con phát triển tốt về thể chất và tinh thần, anh không cấp dưỡng tiền để nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Xuyên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tại phiên tòa các thành viên Hội đồng xét xử đã có mặt đầy đủ, không có trường hợp phải thay đổi người tiến hành tố tụng; Quá trình xét xử đã tuân theo đúng quy định của phiên tòa dân sự sơ thẩm nên không yêu cầu khắc phục vi phạm về thủ tục tố tụng; Tòa án đã tiến hành tổng đạt, thu thập tài liệu, chứng cứ đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn anh Lê Xuân T vắng mặt nhưng quá trình giải quyết vụ án đã đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, việc xét xử vắng mặt bị đơn là đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có tại vụ án và trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Nguyễn Thị S và anh Lê Xuân T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn. Căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 54, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a Khoản 1 điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử cho chị Nguyễn Thị S được ly hôn với anh Lê Xuân T; Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Thị Cẩm L, sinh ngày 13/7/2010 đến tuổi trưởng thành, anh Lê Xuân T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con; Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị S có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Lê Xuân T. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, anh Lê Xuân T có nơi đăng ký HKTT và chỗ ở là thôn 6, xã Nam Phúc T, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn anh Lê Xuân T vắng mặt nhưng quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh. Vì vậy, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị S và anh Lê Xuân T đã tuân thủ các điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn ngày 03/6/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Cẩm Thăng (nay là xã Nam Phúc T) huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, theo chị S nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, anh T thường xuyên chửi bới, xúc phạm và coi thường chị. Từ năm 2015 đến nay vợ chồng sống ly thân, chị về nhà bố mẹ đẻ tại thôn 4, xã Nam Phúc T ở, thời gian gần đây vợ chồng không liên lạc gì với nhau. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị có nguyện vọng được ly hôn, giải phóng cho hai người để mỗi người có cuộc sống riêng, tốt đẹp hơn. Quá trình giải quyết vụ án anh Lê Xuân T cho rằng nay anh không còn tình cảm gì đối với chị S, không tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nhưng theo quy định công giáo không cho phép ly hôn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, vợ chồng thương yêu, tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau... nhưng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị S và anh Lê Xuân T không đạt được mục đích đó, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình quy định: “*Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn*”. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị S, xử cho chị được ly hôn với anh Lê Xuân T.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị S và anh Lê Xuân T thống nhất trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Lê Thị Cẩm L, sinh ngày 13/7/2010. Nguyên vọng của chị S muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Còn anh T trình bày nếu Tòa án giải quyết cho chị S ly hôn với anh thì anh đồng ý giao con cho chị S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh không đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác, từ năm nhỏ đến nay chị S là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con, nay con đã trên 07 tuổi và có đơn nguyện vọng mong muốn được ở với mẹ. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con Lê Thị Cẩm L cho chị

Nguyễn Thị S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng thống nhất không có tài sản chung, không nợ ai và không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo luật định.

[4] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 53, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a Khoản 1 điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị S, tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S được ly hôn với anh Lê Xuân T.

- Về con chung: Giao con Lê Thị Cẩm L, sinh ngày 13/7/2010 cho chị Nguyễn Thị S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Lê Xuân T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

2. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Xuyên theo biên lai thu tiền số 0005722 ngày 25/3/2021. Tiền án phí ly hôn sơ thẩm chị Nguyễn Thị S đã nộp đủ.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Cẩm Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Cẩm xuyên;
- UBND xã Nam Phúc T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Hoàng

